

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH BẮC GIANG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản số: 24/2023/HNGS-ST

Ngày 17-4-2023

V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân

***Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Giáp Huy Tường

2. Bà Nguyễn Thị Lại

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Nga- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2023/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 2002 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Kẹm, xã Minh Đức, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Quang Biều, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 30/01/2023, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị V trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Minh T kết hôn ngày 09/4/2020, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Châu, huyện Việt Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn Quang Biều, xã Quang Châu. Ban đầu vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn

là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, không còn tình cảm, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên đều biết và khuyên giải nhưng anh T vẫn không cải thiện. Từ tháng 5/2022 chị đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt vẫn.

* Đối với anh Nguyễn Minh T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy tờ nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án anh T đều vắng mặt không có lý do và Tòa án đã thông báo cho anh T về việc các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị V và cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nếu có yêu cầu nhưng anh T không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho quyền lợi của mình.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Minh T vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn chị V có đơn xin xét xử vắng mặt chấp hành đúng các quy định của pháp luật; Bị đơn anh T chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị V được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

+ Về con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

+ Chị Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp ly hôn giữa chị V và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Minh T có nơi cư trú: Thôn Quang Biểu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Việt Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị V vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị V, anh T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị V, Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Minh T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Châu, huyện Việt Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy chị V và anh T sau khi về chung sống với nhau ban đầu bình thường được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Theo biên bản lấy lời khai chị V khai nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không hợp nhau, không còn tình cảm, vợ chồng hay cãi vã nhau, mâu thuẫn vợ chồng gia đình hai bên đều biết và khuyên giải nhưng anh T vẫn không cải thiện, từ tháng 5/2022 vợ chồng ly thân nhau cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh T. Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh T, thông báo hòa giải anh T cũng không đến để Tòa án hòa giải về tình cảm vợ chồng.

Tại biên bản làm việc với chính quyền địa phương cũng xác định vợ chồng chị V, anh T có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng bắt đầu quan điểm sống hàng ngày, chị V đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, không còn ở với nhau. Xét mâu thuẫn giữa chị V, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị V xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị V xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị V được ly hôn với chị Nguyễn Minh T.

[2] Về con chung: Chị V xác định vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị V xác định không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Án phí: Chị Nguyễn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006772 ngày 06/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị V đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS Việt Yên;
- UBND xã Quang Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị V